

Bản án số: 283/2020/HS-ST

Ngày: 22-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Đài.
2. Ông Doãn Đức Hùng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 302/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT: ấp V, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L và bà Liêu Thị L; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 05/03/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng kể từ ngày 22/01/2019. Ngày 13/12/2019 được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nhân thân:

- Ngày 14/3/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung là 10 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/3/2016.

Bị bắt quả tang ngày 26/8/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom. (Bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là đối tượng nghiện ma túy, vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 26/8/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T mượn điện thoại Samsung của P (bạn gái T) liên lạc qua mạng xã hội Facebook với đối tượng tên M (không rõ nhân thân lai lịch) để hỏi mua 600.000 đồng ma túy thì M đồng ý. Khoảng 10 phút sau, M đưa 03 gói ma túy đựng trong hộp sữa đến để trước phòng trọ của T thuộc khu 2, ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom sau đó điện thoại cho T ra lấy. Khi lấy được ma túy, T cất giấu vào gói thuốc lá Jet rồi để trên tấm nệm trong phòng trọ. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã Tây Hòa kiểm tra bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 03 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng; 01 điện thoại Nokia, số sim 0785.010.457; 01 điện thoại Samsung, số sim 0862.844.918.

Tại Bản kết luận giám định số: 2045/KLGD-PC09 ngày 03/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong có chữ ký của Phạm Văn T và dấu tròn của Công an xã Tây Hòa gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,5652 gam loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 312/CT-VKS-TB ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng bán ma túy cho T tên M do T không biết tên thật và địa chỉ cụ thể của đối tượng cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Trần Thị Hồng P là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

Đối với bà Huỳnh Thị H là chủ quản lý nhà trọ, đã cho T và P thuê trọ để lợi dụng sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong sau giám định số: 2045/KLGD-PC09 ngày 03/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai chứa ma túy sau giám định đề nghị Tòa án tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã ăn năn hối cải. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 26/8/2020, tại khu 2, ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, khi Phạm Văn T đang tàng trữ trái phép 0,5652 gam Methamphetamine trong gói thuốc lá Jet để trên nệm phòng trọ của T thì bị Công an xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy pháp luật nghiêm cấm, nhưng để có ma túy sử dụng, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bản thân bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định được chứa trong 01 phong bì niêm phong số: 2045/KLGD-PC09 ngày 26/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Đồng Nai là vật thuộc Nhà nước cấm tàng trữ nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen, số sim 0785.010.457 là điện thoại của T không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho T là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại Samsung màu trắng, số sim 0862.844.918 là điện thoại của Trần Thị Hồng P, do P không biết việc T lấy điện thoại để liên lạc mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho P là phù hợp.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định được chứa trong 01 phong bì niêm phong số: 2045/KLGD-PC09 ngày 26/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai. (Vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/12/2020)

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến

